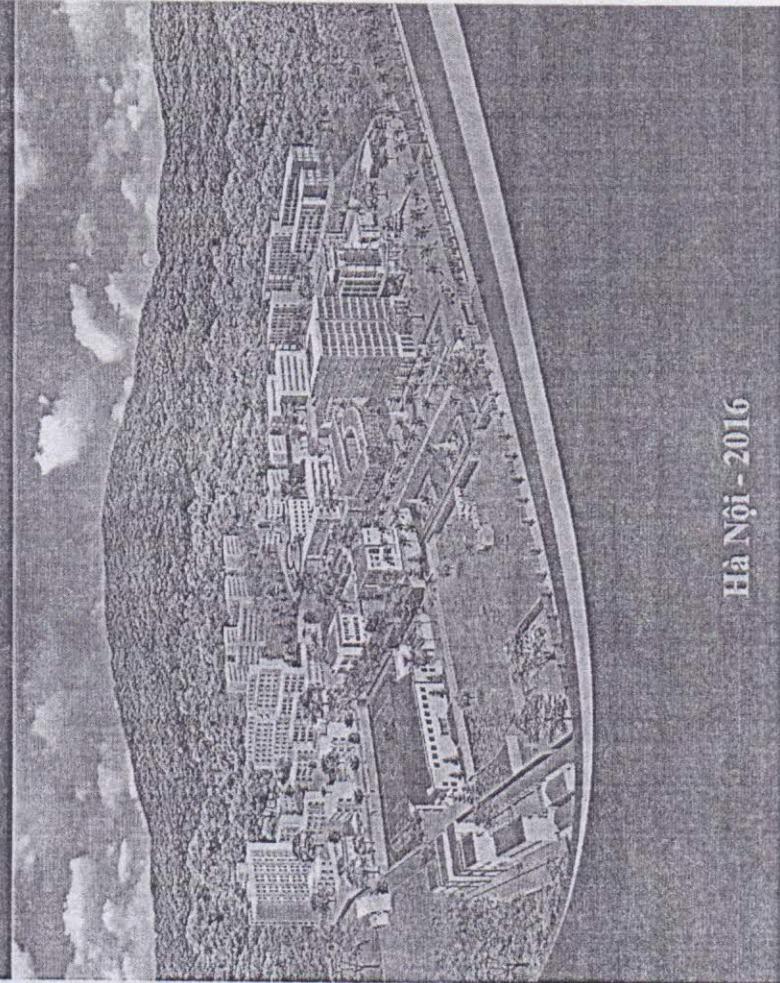


 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

KỲ YẾU HỘI THẢO

HỘI NGHỊ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
TUỔI TRẺ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG
KHỐI NÔNG - LÂM - NGU - THỦY LỢI TOÀN QUỐC LẦN THỨ 7



HỘI NGHỊ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TUỔI TRẺ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG
KHỐI NÔNG - LÂM - NGU - THỦY LỢI TOÀN QUỐC LẦN THỨ 7

Trường Đại học Lâm nghiệp
Địa chỉ: Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội
Điện thoại: 84.433.840.203 - Fax: 84.433.840.203
Email: vnuaf@vnuaf.edu.vn
Website: www.vnuaf.edu.vn

78.	Đánh giá khả năng kết hợp chung của các dòng ngô nếp tím tự phôi giàu chất kháng ô xy hóa Anthocyanin phục vụ chọn tạo giống ngô nếp tím ưu thế lai <i>Nguyễn Thị Nguyệt Anh, Phạm Quang Tuân, Nguyễn Trung Đức - HV Nông nghiệp</i>	471
79.	Nghiên cứu ứng dụng chỉ thị phân tử phát hiện gen phát triển bông EU1 (<i>elongated uppermost internode</i>) phục vụ công tác chọn tạo dòng mè lúa lai <i>Nông Thị Huệ, Nguyễn Trọng Tú, Bùi Thị Thu Hương, Hoàng Thị Ngân, Đinh Trường Sơn, Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thành Hải, Nguyễn Thị Lâm Hải, Ninh Thị Thảo, Nguyễn Thị Châm - Học viện Nông nghiệp</i>	483
80.	Phân lập và tuyển chọn các chủng vi khuẩn nội sinh có khả năng cố định đạm, phân giải lân, tổng hợp IAA từ cây lúa <i>Phạm Thị Hải, Nguyễn Thị Sơn, Nguyễn Quang Thạch - Học viện Nông nghiệp</i>	497
81.	Phân lập và tuyển chọn các chủng nấm mốc <i>aspergillus spp.</i> sinh tổng hợp <i>enzyme invertase</i> <i>Phạm Thùy Trang, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Đức Thái, Thái Thị Hà Phương, Đặng Quang Cảnh - Học viện Nông nghiệp</i>	505

KINH TẾ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN 512

82.	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của lao động nông thôn qua mô hình hồi qui Binary Logistic <i>Phạm Ngọc Nhàn - Đại học Cần Thơ</i>	513
83.	Các nhân tố tác động đến quyết định tiếp tục mua nước ngọt có ga của công ty Coca-Cola của khách hàng Ở quận Ninh kiều, thành phố Cần Thơ <i>Nguyễn Đinh Yến Oanh, Trương Mẫn Uyên - Đại học Cần Thơ</i>	518
84.	Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam <i>Nguyễn Văn Thép, Mai Thị Ngọc Bích - Đại học Cần Thơ</i>	522
85.	Đánh giá năng lực tài chính của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam theo khung CAMEL <i>Nguyễn Văn Thép, Trần Văn Trường - Đại học Cần Thơ</i>	527
86.	Phụ nữ dân tộc Sán Dìu trong kiểm soát vốn (tín dụng) và thời gian trong phát triển kinh tế của hộ gia đình ở xã Hóa Trung, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên <i>Nguyễn Đỗ Hương Giang - Đại học Nông Lâm Thái Nguyên</i>	532
87.	Thực trạng xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý giám sát các mô hình sinh kế giảm nghèo đã thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010-2013 <i>Lê Văn Cường, Nguyễn Thị Dung - Đại học Hồng Đức</i>	540
88.	Giải pháp giảm nghèo theo cách tiếp cận nghèo đa chiều tại Đức Bác, Sông Lô, Vĩnh Phúc <i>Trần Thị Tuyết, Lê Thị Kim Ngân, Tản Minh Tuấn - Đại học Lâm nghiệp</i>	549

GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO THEO CÁCH TIẾP CẬN NGHÈO ĐA CHIỀU TẠI ĐỨC BÁC, SÔNG LÔ, VĨNH PHÚC

Trần Thị Tuyết¹, Lê Thị Kim Ngân¹; Tản Minh Tuấn¹

ABSTRACT

This study aims at assessing the reality of poverty through access to multidimensional poverty in Duc Bac commune. Research data was collected from people committees' commune's reports and 110 surveys were distributed to households. According to the results from the surveys, the researchers found that the people's access to information with the highest shortage rate accounted for 61,82%; the households lack of adequate sanitation and clean water is 25,45% and the number of households do not have sanitary toilets is 45,45% respectively. In term of income only 33 of 110 surveyed households are poor. Meanwhile, in terms of multidimensional poverty, the poor households are 45. The factors affecting the poverty in the commune mainly because of people's low educational level as well as their inefficiency in using capital. Through this study a number of measures are found to solve this problem, and help the people in Duc Bac commune eradicate poverty and limit poverty relapse.

Keywords: Duc Bac Commune, Multidimensional poverty, Poverty reduction, Solution.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm mục đích đánh giá được thực trạng nghèo thông qua tiếp cận cận nghèo đa chiều trên địa bàn xã Đức Bác. Số liệu nghiên cứu được thu thập thông tin từ các báo cáo ủy ban nhân dân xã cùng 110 phiếu điều tra của các hộ gia đình. Thông qua kết quả điều tra, tổng hợp, phân tích số liệu, nhóm nghiên cứu nhận thấy theo cách tiếp cận cận nghèo đa chiều thì tiếp cận thông tin có tỉ lệ thiếu hụt cao nhất chiếm 61,82%; số hộ không được tiếp cận với nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 45,45 và 25,45% số hộ nhà vệ sinh không đảm bảo. Nếu chỉ xét về thu nhập có 33 trong tổng số 110 hộ điều tra thuộc hộ nghèo, tuy nhiên xét theo nghèo đa chiều số hộ tăng lên thành 45 hộ. Các yếu tố ảnh hưởng tới nghèo chủ yếu là do trình độ của các hộ cũng như cách tiếp cận và sử dụng vốn không hiệu quả. Qua đó một số gợi ý được đề ra theo các chiều để khắc phục tình trạng này và để người dân thoát nghèo, hạn chế tái nghèo.

Từ khóa: Đức Bác, Giảm nghèo, Giải pháp, Nghèo đa chiều,

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghèo đói là sự thách thức, cản trở lớn đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, khu vực và thế giới. Từ năm 2002 Việt Nam bắt đầu thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo. Tỷ lệ nghèo của Việt Nam giảm từ 20,7% năm 2002 xuống còn 4,5% năm 2015. Hiện nay nghèo đói ở Việt Nam đang xét theo chuẩn mới, người nghèo không chỉ xét theo ngưỡng thu nhập mà còn xét các tiếp cận với giáo dục, y tế, thông tin, chất lượng nhà ở và điều kiện sống.

Xã Đức Bác trong giai đoạn năm 2011 – 2015 thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm nhanh. Năm 2011 hộ nghèo chiếm 13,7% thì tới năm 2015 chỉ còn 6,1%. Như vậy, số hộ nghèo trên địa bàn xã đã giảm so với các năm trước. Tuy nhiên, đó mới chỉ là con số xét theo chuẩn nghèo về thu nhập. Vậy nếu xét theo chỉ tiêu mới về nghèo đa chiều thì số hộ nghèo sẽ thay đổi như thế nào? Và làm thế nào để người dân thoát nghèo. Xuất phát từ những yêu cầu cấp thiết đó nhóm nghiên cứu chọn đề tài: “*Một số giải pháp giảm nghèo theo cách tiếp cận cận nghèo đa chiều tại Xã Đức Bác, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.*”

¹ Đại học Lâm nghiệp

2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng nghèo đói theo cách tiếp cận nghèo đa chiều từ đó đề xuất một số biện pháp giảm nghèo trên địa bàn xã Đức Bác, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Nội dung nghiên cứu

Thực trạng nghèo và nghèo đa chiều trên địa bàn xã Đức Bác.

Các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo đói, một số đề xuất để giảm nghèo

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Tài liệu thứ cấp: Các tài liệu thống kê của UBND xã Đức Bác.

Tài liệu sơ cấp: Là số liệu thu thập từ phiếu điều tra. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra ngẫu nhiên 110 hộ trên 5 thôn. Phân chia các hộ điều tra thành 4 nhóm hộ: 33 hộ nghèo (thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 400.000đ trở xuống); 27 hộ cận nghèo (thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 401.000-520.000 đồng); 25 hộ trung bình có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 521.000-700.000 đồng; 25 hộ khá, giàu có mức thu nhập bình quân đầu người cao hơn 700.000 đồng.

Phương pháp phân tích, xử lý số liệu: Phương pháp thống kê mô tả, thống kê so sánh số liệu xử lý qua phần mềm excel.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng nghèo đói chung trên địa bàn xã Đức Bác giai đoạn 2013– 2015

Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã Đức Bác giảm được một cách đáng kể qua các năm so với mặt bằng chung của huyện. Năm 2013 số hộ nghèo chiếm 7,9% đến 2015 còn 6,1%. Tuy nhiên, bên cạnh số hộ thoát nghèo vẫn có những hộ tái nghèo.

3.2. Thực trạng tiếp cận các dịch vụ xã hội của các hộ điều tra tại xã Đức Bác

3.2.1. Thực trạng về tình hình giáo dục

Giáo dục ở địa bàn xã Đức Bác được thể hiện trên bảng 01. Ta thấy ngưỡng thiếu hụt đối với trình độ giáo dục của người lớn thấp hơn tình trạng đi học của trẻ em, người lớn 6,36% trẻ em 11,82%. Trong đó nhóm hộ nghèo và cận nghèo đều là con số lớn hơn so với hộ trung bình và khá, giàu. Như vậy người nghèo vẫn là những người không có được điều kiện tiếp cận với giáo dục.

3.2.5. Thực trạng về tiếp cận thông tin

Vai trò của thông tin rất quan trọng đối với người dân. Qua kênh này người dân có thêm kiến thức, kỹ năng trong sản xuất. Theo số liệu thể hiện ở bảng 03 ta thấy trong tổng số 31 hộ không sử dụng internet thì có 13 hộ là hộ nghèo. Trong 110 hộ điều tra có 68 hộ gia đình không có máy tính trong đó số hộ nghèo là 22. Vì vậy xã cần có buổi giới thiệu để người dân hiểu được tầm quan trọng thông tin.

Bảng 03. Nguồn thiếu hụt về tiếp cận thông tin của các hộ điều tra

ĐVT: hộ

Nguồn thiếu hụt	Hộ nghèo		Hộ cận nghèo		Hộ trung bình		Hộ khá, giàu		Tổng	
	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)
Internet	13	11,82	10	9,09	5	4,55	3	2,73	31	28,18
không có máy tính	22	20,00	20	18,18	15	13,64	11	10,00	68	61,82

Nguồn: Số liệu điều tra

3.3. So sánh kết quả nghèo đơn chiều và nghèo đa chiều

Qua số liệu điều tra ta nhận thấy nhóm nghèo nghiêm trọng chiếm 9,09%, đa phần thuộc về hộ nghèo và cận nghèo đơn chiều. Nhóm nghèo đa chiều chiếm 40,91% tương ứng với 45 hộ; Nhóm cận nghèo đa chiều: Nhóm này chiếm 36 hộ trong tổng số hộ nghiên cứu. Như vậy nếu chỉ xét theo nghèo về thu nhập thì có 33 hộ. Nhưng nếu xét theo các chiều về chính thì số hộ nghèo đã tăng từ 33 hộ lên 45 hộ. Số hộ cận nghèo tăng từ 27 hộ lên 36 hộ. Phân tích các chỉ tiêu tổng hợp về nghèo đa chiều ta có cái nhìn tổng quát hơn để đưa ra được các phương án thay đổi điều kiện sống cho người dân.

Bảng 04: So sánh nghèo đa chiều và nghèo đơn chiều

ĐVT: hộ

Đơn chiều Đa chiều	Nghèo	Tỷ lệ (%)	Cận nghèo	Tỷ lệ (%)	T. bình	Tỷ lệ (%)	Khá & giàu	Tỷ lệ (%)	Tổng	Tỷ lệ (%)
Nghèo nghiêm trọng	5	4,55	4	3,64	1	0,91	0	-	10	9,09
Nghèo đa chiều	21	19,09	12	10,91	8	7,27	4	3,64	45	40,91
Cận nghèo đa chiều	7	6,36	10	9,09	9	8,18	10	9,09	36	32,73
Không nghèo	0	-	1	0,91	7	6,36	11	10,00	19	17,27
Tổng	33	30	27	24,55	25	22,73	25	22,73	110	9,09

Nguồn: Số liệu điều tra

Bảng 01. Nguồn thiếu hụt về giáo dục của các hộ điều tra

DVT: hộ

Nguồn thiếu hụt	Hộ nghèo		Hộ cận nghèo		Hộ trung bình		Hộ khá, giàu		Tổng	
	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)
Trình độ GD của người lớn	3	2,73	2	1,82	2	1,82	0	0	7	6,36
Tình trạng đi học của trẻ em	7	6,36	4	3,64	2	1,82	0	0	13	11,82
Tổng	10	9,09	6	5,45	4	3,64	-	-	20	18,18

Nguồn: Số liệu điều tra hộ

3.2.2. Thực trạng về y tế

Hiện nay, vẫn có những hộ gia đình có thành viên từ 6 tuổi trở lên không có thẻ BHYT, những trường hợp này chủ yếu tập trung vào các hộ cận nghèo và hộ trung bình của thôn. Trong tổng 110 hộ điều tra tỷ lệ hộ cận nghèo không có thẻ BHYT chiếm 10,91% còn nhóm hộ trung bình chiếm 7,27%. Trong khi đó chỉ có 1,82% những hộ khá, giàu không có BHYT. Mặc dù năm 2015 đã có luật bảo hiểm y tế bắt buộc các hộ gia đình tham gia, tuy nhiên vẫn còn tình trạng các gia đình không tham gia bảo hiểm y tế. Vì vậy chính quyền địa phương cần giải thích để người dân thấy được tầm quan trọng khi tham gia thẻ bảo hiểm y tế.

3.2.3. Thực trạng về điều kiện sống

Bảng 02. Nguồn thiếu hụt về điều kiện sống của các hộ điều tra

DVT: hộ

Nguồn thiếu hụt	Hộ nghèo		cận nghèo		trung bình		Hộ khá, giàu		Tổng	
	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)	Số	Tỷ lệ (%)
Nguồn nước	17	15,45	17	15,45	14	12,73	2	1,82	50	45,45
Nhà vệ sinh	15	13,64	9	8,18	3	2,73	1	0,91	28	25,45

Nguồn: Số liệu điều tra

Từ số liệu nghiên cứu các hộ trên bảng 02 ta thấy: tại địa phương có 45,54% số hộ không được tiếp cận với nguồn nước sinh hoạt đảm bảo hợp vệ sinh, trong đó có hộ nghèo chiếm 15,45%. Không được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh có 28 hộ, trong đó có 15 hộ thuộc hộ nghèo. Qua đây chính quyền địa phương cần phải có những phương án xử lý kịp thời để người dân có được nguồn nước sinh hoạt cũng như nhà tiêu hợp vệ sinh.

3.2.4. Thực trạng về chất lượng nhà ở của dân cư

Với tổng diện tích đất đai tự nhiên của xã là 776,45 ha, một số liệu tương đối lớn và điều này đã tạo ra cho địa phương, các hộ dân (các hộ điều tra) có diện tích đất ở bình quân đầu người đều trên 8m². Các hộ gia đình đều được sử dụng hệ thống nhà ở đủ tiêu chuẩn.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới tình trạng nghèo trên địa bàn xã

Yếu tố về vốn: Do người dân thiếu vốn, không dám đầu tư, vì sợ rủi ro, nên chỉ dám làm những công việc mang tính chất an toàn, dẫn đến nghèo đói.

Do trình độ người lao động: Trong quá trình điều tra phòng vấn, nhóm nghiên nhận thấy phần lớn những người nghèo không biết cách làm ăn, không chịu tiếp thu kiến thức, kỹ năng tay nghề, ngại giao tiếp, không biết quy hoạch trong sản xuất. Do vậy mà kinh tế của họ không cao.

Ngoài ra còn có một số yếu tố khác ảnh hưởng tới tình trạng nghèo trên địa bàn xã là người lao động thiếu dụng cụ sản xuất, sức khỏe kém, cán bộ khuyến nông của xã còn thiếu kinh nghiệm. Công tác tuyên truyền đến người dân còn nhiều hạn chế.

4. KẾT LUẬN

Thông qua phân tích ta nhận thấy nếu chỉ đo lường tình trạng nghèo thông qua thu nhập thì số hộ nghèo là 33 hộ, tuy nhiên nếu xét theo cách tiếp cận nghèo đa chiều thì số hộ tăng lên thành 45. Theo cách tiếp cận nghèo đa chiều ta thấy: Tiếp cận thông tin có tỉ lệ thiếu hụt cao nhất có tới 68 hộ. Về điều kiện sống có tới 45,45% số hộ điều tra không được sử dụng nguồn nước sạch và 25,45% số hộ nhà vệ sinh không đảm bảo. Một số gợi ý được đưa ra theo các chiều để giảm bớt tỷ lệ nghèo, để người dân được tiếp cận với các dịch vụ xã hội đó là:

Về giáo dục: khuyến khích trẻ em đi học bằng cách thực hiện miễn, giảm học phí cho trẻ em hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, con thương binh liệt sỹ, con em gia đình chính sách. Ngoài ra cần mở các lớp đào tạo nghề cho người lao động và khuyến khích họ đi học ngay chính tại địa phương.

Về Y tế và điều kiện sống: Bên cạnh đó cần tuyên truyền, vận động người dân tham gia khám sức khỏe định kỳ. Cần xây dựng các nhà máy lọc nước để người dân được sử dụng nguồn nước sạch.

Về tiếp cận thông tin: Cần có những buổi giới thiệu các website về nông nghiệp để người dân thấy được lợi ích từ internet, được tiếp cận với các kiến thức, kinh nghiệm trong sản xuất trên internet.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ LĐ thương binh xã hội (2015), Đề án tổng thể chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều dựa vào thu nhập sang đa chiều giai đoạn 2016-2020, Bộ LĐ Thương Binh Xã Hội.
2. Ngân hàng thế giới tại Việt Nam, (2012), Báo cáo đánh giá nghèo VN 2012, Worldbank
3. Ủy ban nhân dân xã Đức Bác (2015), Báo cáo tổng kết tình hình phát triển KT-XH 2015, Xã Đức Bác